

BẢN ĐỌC THỦ

NHỮNG LỢI ÍCH ĐẶC BIỆT KHI SỞ HỮU BỘ SÁCH



Mega 2020



Bookmark
may mắn thần kỳ



Bí kíp
mind map công thức



Phan Thị Thủy

216 trang

20.5 x 29.5 cm

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI



LIVE STREAM CHỮA ĐỀ



Group kín hỗ trợ học tập
và các vấn đề tuyển sinh

Tổng quan cấu trúc

PHẦN 1 ĐỀ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HIỆN TẠI

Câu 1: Ý nào sau đây không phải là biểu hiện về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nước phát triển?

- A. Đầu tư ra nước ngoài nhiều.
- B. Dân số đông và tăng nhanh.
- C. GDP bình quân đầu người cao.
- D. Chỉ số phát triển con người ở mức cao.

Câu 2: Đầu là nhận định sai về biển đảo nước ta?

- A. Đường bờ biển cong hình chữ S, dài 3260 km.
- B. Đường bờ biển dài, tạo điều kiện cho 28/63 tinh thành khai thác nguồn lợi biển.
- C. Nước ta có hơn 4000 hòn đảo, chủ yếu là đảo gần bờ.
- D. Hai quần đảo xa bờ là Trường Sa (thuộc Cà Mau) và Hoàng Sa (thuộc TP Đà Nẵng).

Câu 3: Vùng nào trên biển nước ta có đồng cỏ dãy ngập và tàu thuyền thường xuyên qua lại?

- A. Vùng mây thổi.
- B. Tiếp giáp lanh hải.

Câu 4: Đầu không phải là đặc điểm chung của:

- A. Địa hình đồi núi chiếm phần lớn.
- B. Cấu trúc địa hình nước ta khá đa dạng.
- C. Địa hình chịu tác động mạnh của biển.
- D. Địa hình không chịu ảnh hưởng của biển.

Câu 5: Đây Hoành Sơn thuộc vùng núi?

- A. Đồng Bác.
- B. Trường Sơn Bắc.

Câu 6: Địa hình báu binh nguyên thủy là?

- A. Trung du miền núi phía Bắc.
- B. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 7: Vai trò lớn của Tổ chức Thế vận hội?

- A. cung cấp trang thiết bị.
- B. thúc đẩy tự do hòa thương mại.

Câu 8: Tài nguyên nào sau đây hiện đại?

- A. Khoáng sản và thủy sản.
- B. Rừng và thủy sản.

PHẦN 3

14 ĐỀ THI THỦ BÚT PHÁ ĐIỂM SỐ

Đề số 1

Câu 1: Frông ôn đới (FP) là frông hình thành do sự tiếp xúc của hai khối khí

- A. địa cực và ôn đới.
- B. địa cực lục địa và địa cực hải dương.
- C. ôn đới lục địa và ôn đới hải dương.
- D. ôn đới và chí tuyến.

Câu 2: Một trong những yếu tố quan trọng khiến khí hậu nước ta không khắc nghiệt như các nước cùng vĩ độ ở Tây Á, Tây Phi là?

- A. gió mùa.
- B. gió Mùa dịch.
- C. gió đất, gió biển.
- D. gió Tây ôn đới.

Câu 3: Đầu là sự chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ khu vực I?

- A. Các ngành trồng cây lương thực, chăn nuôi tăng dần từ trung.
- B. Các ngành thủy sản, chăn nuôi, trồng cây công nghiệp tăng dần từ trung.
- C. Ngành trồng cây công nghiệp tăng dần từ trung.
- D. Tăng cường đặc canh.

Câu 4: Với khí hậu nhiệt đới

1000 mm, rất thuận lợi cho nông nghiệp

- A. phát triển một nền nông nghiệp.
- B. trồng các loại cây cận nhiệt đới.
- C. trồng các loại cây công nghiệp.
- D. có nhiều đồng cỏ rộng.

Câu 5: Đặc điểm đất của Đồng bằng

- A. Đất phù sa được bồi đắp.
- B. Đất nghèo, màu cát.
- C. Đất phù sa không đạm.
- D. Đất bùn đạm chiếm diện tích.

Câu 6: Biển Đông là biển nằm :

- A. Khi hậu xích đạo.
- B. Khi hậu nhiệt đới ẩm.
- C. Khi hậu nhiệt đới ẩm ướt.

Câu 7: Ngực lực là

- A. những lực sinh ra trong.
- B. những lực được sinh ra.
- C. những lực được sinh ra.
- D. những lực sinh ra trong.

Câu 8: Quan sát Atlat Địa lí Việt

giúp Tây Bắc không?

- A. Tây Bắc.
- B. Duyên hải Nam Trung Bộ.

PHẦN 4

ĐÁP ÁN VÀ LỜI GIẢI CHI TIẾT

Đề số 1

Giải thích

Câu	Đáp án	Giải thích
1	D	Frông là bề mặt ngăn cách giữa hai khối khí khác nhau về hướng và nhiệt độ. Mỗi bài câu có 2 frông: - FA là frông hình thành 2 khối khí địa cực và khối khí ôn đới. - FP là frông hình thành giữa 2 khối khí ôn đới và chí tuyến.
2	A	Tuy nhiên vì đó, nhưng nước ta có khí hậu nóng ẩm mưa nhiều, còn Tây Á, Tây Phi lại có khí hậu khô hạn là do vị trí nước ta nằm trong vành đai gió mùa châu Á. Gió mùa hạ đã qua biển mang lại lượng mưa lớn, kết hợp với hình dạng lãnh thổ kéo dài, hợp ngang và giáp Biển Đông đã làm cho khí hậu nước ta đều hoà, mang tính hải dương.
3	B	Xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế hiện nay, là giảm tỷ trọng khu vực I, tăng tỷ trọng khu vực II và III. Trong đó, khu vực I lại có xu hướng: + Tăng tỷ trọng các ngành thủy sản, chăn nuôi, trồng cây công nghiệp.
4	A	Với khí hậu nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ trung bình năm trên 23°C và lượng mưa trên 1000 mm, rất thuận lợi cho nước ta phát triển một nền nông nghiệp nhiệt đới.
5	C	Đồng bằng sông Hồng, có diện tích là 15000 km ² . Đất phì sa của Đồng bằng sông Hồng không được bồi đắp hàng năm do có đê bao bọc bên ngoài. Phản ngại để rái ít được bồi đắp hàng năm.
6	C	Biển Đông có diện tích là 3,477 triệu km ² , với đặc điểm rộng và kín gió. Diện tích Biển Đông của nước ta là khoảng 1 triệu km ² . Biển Đông là biển nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
7	B	- Ngoại lực là lực có nguồn gốc ở bên ngoài, trên bề mặt Trái Đất. - Nguồn năng lượng sinh ra ngoại lực là nguồn năng lượng bức xạ Mặt Trời và dưới tác dụng của Mặt Trời, đã trên bề mặt thạch quyển bị phá hủy và năng lượng của các tia nhân tạo lực (như ray, gió, băng tuyết...) trực tiếp hay gián tiếp đều có liên quan đến bức xạ Mặt Trời.
8	D	Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 9 ta thấy Đồng bằng sông Cửu Long là vùng không chịu ảnh hưởng của gió Tây khô nong.
9	B	Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 10 xác định cửa sông của sông Thu Bồn đổ ra Biển Đông có tên là Cửa Đại.
10	C	Himalaya là một trong những dãy núi treo nhất trên Trái Đất và bao gồm chủ yếu là các dãy núi cao và dãy biển chót được nâng lên. Theo học thuyết kiến tạo mảng, sự hình thành của nó là kết quả của sự va giestructure="block">mảng Ấn Độ - Ôxtrâylia xô vào mảng Á - Á.
11	C	Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, ta thấy Đà Nẵng thuộc phân cấp độ thấp I.
12	A	Khối khí lạnh (gió mùa đông) di chuyển về phía đông, qua biển tĩnh chất từ lạnh khô chuyển sang lạnh ấm do được tăng ấm từ biển. Khối khí này, thời tiết nước ta gặp mưa phùn vào thời kì cuối mùa đông và gây mưa phùn cho đồng bằng Bắc Bộ.

• **Đề đánh giá năng lực:** Giúp tìm ra những lỗ hỏng trong kiến thức từ đó đưa ra phương pháp học tập tối ưu (nhớ làm trong 50 phút thôi nhé ^^)

• **Chủ đề trọng tâm:** 17 Chủ đề trọng tâm, bao quát kiến thức từ cơ bản, đến nâng cao, giúp em tổng ôn nhanh và hiệu quả nhất.

5 giai đoạn ôn thi siêu tốc:

Với 20 đề thi phân thành 5 giai đoạn **Khởi động - Tăng tốc - Siêu tốc luyện đề và Về đích**. Mega 2020 luôn đồng hành cùng bạn chinh phục kỳ thi THPT Quốc gia 2020 một cách “siêu tốc”.

• **Lời giải chi tiết:** Với **lời giải siêu chi tiết** cho từng câu hỏi là **chìa khóa vàng** mở ra cánh cổng **Đại Học** cùng **Mega 2020** đó. Cùng bắt đầu nhé!

Mục lục

PHẦN I: ĐỀ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HIỆN TẠI	7
PHẦN 2: TỔNG ÔN TẬP 17 CHỦ ĐỀ TRỌNG TÂM	18
A - CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA LÝ 10	18
B - CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA LÝ 11	51
C - CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA LÝ 12	69
PHẦN 3: 14 ĐỀ THI THỬ BỨT PHÁ ĐIỂM SỐ	107
Đề số 1	107
Đề số 2	113
Đề đánh giá năng lực giai đoạn khởi động	119
Đề số 3	124
Đề số 4	129
Đề đánh giá năng lực giai đoạn tăng tốc	135
Đề số 5	141
Đề số 6	146
Đề đánh giá năng lực giai đoạn siêu tốc	152
Đề số 7	157
Đề số 8	162
Đề đánh giá năng lực giai đoạn về đích	167
Đề số 9	173
Đề số 10	178
PHẦN 4: ĐÁP ÁN VÀ LỜI GIẢI CHI TIẾT	185

PHẦN

1

ĐỀ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HIỆN TẠI



Câu 1: Ý nào sau đây không phải là biểu hiện về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nước phát triển?

- A. Đầu tư ra nước ngoài nhiều.
- B. Dân số đông và tăng nhanh.
- C. GDP bình quân đầu người cao.
- D. Chỉ số phát triển con người ở mức cao.

Câu 2: Đâu là nhận định sai về biển đảo nước ta?

- A. Đường bờ biển cong hình chữ S, dài 3260 km.
- B. Đường bờ biển dài, tạo điều kiện cho 28/63 tỉnh thành khai thác nguồn lợi biển.
- C. Nước ta có hơn 4000 hòn đảo, chủ yếu là đảo giàn bờ.
- D. Hai quần đảo xa bờ là Trường Sa (thuộc Cà Mau) và Hoàng Sa (thuộc TP Đà Nẵng).

Câu 3: Vùng nào trên biển nước ta có chủ quyền hoàn toàn về kinh tế nhưng các nước khác được đặt ống dẫn dầu, dây cáp ngầm và tàu thuyền, máy bay được tự do về hoạt động hàng hải, hàng không?

- A. Vùng nội thủy.
- B. Vùng lãnh hải.
- C. Tiếp giáp lãnh hải.
- D. Đặc quyền kinh tế.

Câu 4: Đâu không phải là đặc điểm chung của địa hình nước ta?

- A. Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích lanh thổ nhưng chủ yếu là đồi núi thấp.
- B. Cấu trúc địa hình nước ta khá đa dạng.
- C. Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người.
- D. Địa hình không chịu ảnh hưởng sâu sắc của gió mùa.

Câu 5: Dãy Hoành Sơn thuộc vùng núi nào?

- A. Đông Bắc.
- B. Tây Bắc.
- C. Trường Sơn Bắc.
- D. Trường Sơn Nam.

Câu 6: Địa hình bán bình nguyên thể hiện rõ rệt nhất ở nước ta nằm ở đâu?

- A. Trung du miền núi phía Bắc.
- B. Bắc Trung Bộ.
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- D. Đông Nam Bộ

Câu 7: Vai trò to lớn của Tổ chức Thương mại thế giới là

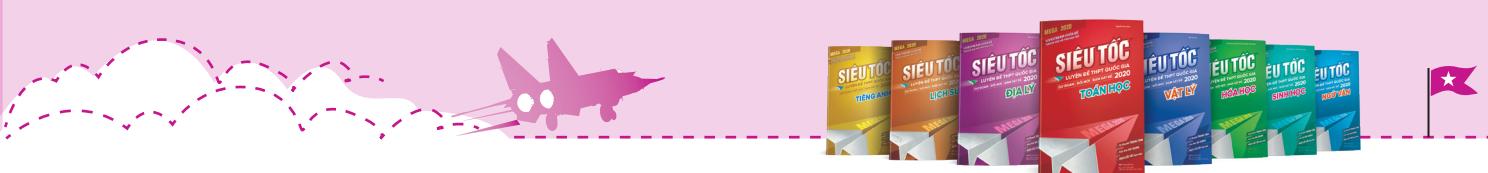
- A. cung cấp thị trường chung Nam Mĩ.
- B. tăng cường liên kết giữa các khối kinh tế.
- C. thúc đẩy tự do hóa thương mại.
- D. giải quyết xung đột giữa các nước.

Câu 8: Tài nguyên nào sau đây hiện đang bị khai thác mạnh ở châu Phi?

- A. Khoáng sản và thủy sản
- B. Khoáng sản và rừng
- C. Rừng và thủy sản.
- D. Đất và thủy sản.

Câu 9: Tính âm của khí hậu nước ta do yếu tố nào quy định?

- A. Vị trí vùng nội chí tuyến.
- B. Vị trí giáp biển.
- C. Vị trí nằm trong đới gió mùa châu Á.
- D. Do địa hình nước ta 3/4 là đồi núi.



- A. Thể hiện sự so sánh về bình quân lương thực của Đồng bằng sông Cửu Long với cả nước qua các năm.
- B. Thể hiện sự chuyển dịch về cơ cấu bình quân lương thực của Đồng bằng sông Cửu Long với cả nước qua các năm.
- C. Thể hiện tốc độ tăng trưởng bình quân lương thực của Đồng bằng sông Cửu Long với cả nước qua các năm.
- D. Thể hiện cơ cấu của bình quân lương thực Đồng bằng sông Cửu Long với cả nước.

Câu 39: Cho bảng số liệu sau:

Vùng	Diện tích (km ²)	Dân số (Nghìn người)	Mật độ dân số (Người/km ²)
Cả nước	330.966,9	91.713,3	277,0
Đồng bằng sông Hồng	21.060,0	20.925,5	994,0
Trung du và miền núi phía Bắc	95.266,8	11.803,7	124,0
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	95.832,4	19.658,0	205,0
Tây Nguyên	54.641,0	5.607,9	103,0
Đông Nam Bộ	23.590,7	16.127,8	684,0
Đồng bằng sông Cửu Long	40.576,0	17.590,4	434,0

(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam)

Qua bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây là đúng?

- A. Vùng Đồng bằng sông Hồng có diện tích lớn nhất trong các vùng.
- B. Tây Nguyên là vùng có mật độ dân số thấp nhất.
- C. Mật độ dân số cao nhất là vùng Đông Nam Bộ.
- D. Dân số vùng Đồng bằng sông Cửu Long đứng đầu cả nước.

Câu 40: Giữa hai tiểu vùng Đông Bắc và Tây Bắc của Trung du miền núi Bắc Bộ có điểm khác biệt lớn về tiềm năng phát triển kinh tế xã hội. Đó là:

- A. Đông Bắc giàu khoáng sản hơn, Tây Bắc lại giàu thuỷ năng hơn.
- B. Đông Bắc thích hợp cho trồng cây công nghiệp, Tây Bắc thích hợp cho chăn nuôi.
- C. Đông Bắc thuận lợi để chăn nuôi trâu, còn Tây Bắc lại thích hợp chăn nuôi bò.
- D. Đông Bắc giàu tài nguyên năng lượng, Tây Bắc giàu khoáng sản.

ĐÁP ÁN

1. B	2. D	3. D	4. D	5. C	6. D	7. C	8. B	9. B	10. C
11. A	12. D	13. B	14. C	15. B	16. B	17. B	18. B	19. C	20. B
21. A	22. A	23. A	24. A	25. A	26. A	27. D	28. D	29. C	30. D
31. A	32. B	33. A	34. D	35. D	36. A	37. C	38. A	39. B	40. A

ĐÁP ÁN CHI TIẾT

Câu	Đáp án	Giải thích
1	B	Các nước phát triển thường có GDP/ người cao, đầu tư ra nước ngoài nhiều, chỉ số phát triển con người (HDI) ở mức cao.
2	D	Quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh Khánh Hòa, quần đảo Hoàng Sa thuộc thành phố Đà Nẵng.
3	D	Vùng đặc quyền kinh tế là vùng biển nằm ở ngoài lãnh hải có phạm vi rộng không vượt quá 200 hải lý tính từ đường cơ sở. Quốc gia ven biển có các quyền chủ quyền về việc thăm dò, bảo tồn và quản lý các tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên sinh vật hoặc không sinh vật của vùng nước đáy biển, của đáy biển và vùng đất dưới đáy biển cũng như những hoạt động khác nhằm thăm dò, khai thác vùng này vì mục đích kinh tế. <ul style="list-style-type: none"> * Đôi với các quốc gia khác: - Được hưởng quyền tự do hàng hải, hàng không. - Được tự do đặt dây cáp và ống dẫn ngầm. Khi đặt đường ống phải thông báo và thỏa thuận với quốc gia ven biển. - Được tự do sử dụng biển vào các mục đích khác hợp pháp về mặt quốc tế.
4	D	Đặc điểm chung của địa hình nước ta <ul style="list-style-type: none"> a) Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi thấp <ul style="list-style-type: none"> - Đồi núi chiếm tới 3/4 diện tích lanh thổ, đồng bằng chỉ chiếm 1/4 diện tích. - Tính trên phạm vi cả nước, địa hình đồng bằng và đồi núi thấp (dưới 1000 m) chiếm tới 85% diện tích. Địa hình núi cao (trên 2000 m) chỉ chiếm 1% diện tích cả nước. b) Cấu trúc địa hình nước ta khá đa dạng <ul style="list-style-type: none"> - Địa hình nước ta có cấu trúc được vận động Tân kiến tạo làm trẻ lại, tạo nên sự phân bậc rõ nét theo độ cao, thấp dần từ tây bắc xuống đông nam và phân hóa đa dạng. - Cấu trúc địa hình gồm 2 hướng chính: <ul style="list-style-type: none"> + Hướng tây bắc - đông nam thể hiện rõ rệt từ hữu ngạn sông Hồng đến dãy Bạch Mã. + Hướng vòng cung thể hiện ở vùng núi Đông Bắc và khu vực Nam Trung Bộ (Trường Sơn Nam). c) Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa. d) Chịu tác động mạnh mẽ của con người.
5	C	Dãy Hoành Sơn thuộc vùng núi Trường Sơn Bắc ở phía nam tỉnh Hà Tĩnh, phía bắc tỉnh Quảng Bình



6	D	Địa hình bán bìngh nguyên thể hiện rõ rệt nhất ở nước ta nằm ở Đông Nam Bộ với bậc thềm phù sa ở độ cao khoảng 100 m và bè mặt phù bazan ở độ cao khoảng 200 m.
7	C	Vai trò to lớn của Tổ chức Thương mại Thế giới là thúc đẩy tự do hóa thương mại giữa các nước trên thế giới.
8	B	Khoáng sản và rừng là tài nguyên hiện đang bị khai thác mạnh ở châu Phi.
9	B	Tính ẩm của khí hậu nước ta do nước ta nằm ở vị trí giáp biển quy định với 28/63 tỉnh giáp biển và đường bờ biển dài 3260 km.
10	C	Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của thiên nhiên Việt Nam được bảo toàn là nhờ địa hình chủ yếu nước ta là núi thấp.
11	A	Nguyên nhân chủ yếu gây ra sự phân hoá theo mùa của khí hậu nước ta là lãnh thổ kéo dài theo chiều Bắc – Nam. - Điểm cực Bắc: Vĩ độ: $23^{\circ}23'N$ - Kinh độ: $102^{\circ}09'E$. - Điểm cực Nam ở tọa độ $8^{\circ}34'S$, $109^{\circ}24'E$
12	D	Để phát triển nông nghiệp, giải pháp cấp bách đối với đa số các quốc gia ở châu Phi là áp dụng các biện pháp thủy lợi để hạn chế khô hạn.
13	B	Nước ta có khoảng 60 loại khoáng sản khác nhau, phần lớn các mỏ khoáng sản có trữ lượng vừa và nhỏ.
14	C	Quan sát Atlat Địa lí trang 17, Khánh Hoà có GDP bình quân tính theo đầu người cao nhất trong mức 15-18 triệu đồng.
15	B	Quan sát Atlat Địa lí trang 19, tỉnh An Giang có sản lượng lúa lớn nhất khoảng 3700000 tấn.
16	B	Quan sát Atlat Địa lí trang 22, ta thấy nhà máy thuỷ điện Sông Hinh xây dựng trên sông Ba.
17	B	Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 20, hai tỉnh An Giang (263914 tấn) và Đồng Tháp (2300008 tấn) có sản lượng thủy sản nuôi trồng (năm 2007) cao nhất nước ta
18	B	Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ Có diện tích rộng nhất so với các vùng khác trong cả nước bao gồm 14 tỉnh với diện tích 100965km^2 , chiếm 28,6% diện tích cả nước.
19	C	Hiện tại, nước ta đang trong giai đoạn “cơ cấu dân số vàng”, điều đó có nghĩa là số người ở độ tuổi 15 – 59 chiếm hơn 2/3 dân số.
20	B	Bình quân lương thực theo đầu người của vùng Đồng bằng sông Hồng (DBSH) vẫn thấp hơn một số vùng khác là do sức ép quá lớn của dân số. Năm 2014 dân số của DBSH bằng 21.5% dân số cả nước, mật độ dân số trung bình cao gấp 4.7 lần so với cả nước.

21	A	Tuyến đường được coi là xương sống của hệ thống đường bộ nước ta là Quốc lộ 1 kéo dài từ cửa khẩu Hữu Nghị, Lạng Sơn và kết thúc ở thị trấn Năm Căn, Cà Mau.
22	A	TP. Hồ Chí Minh là địa điểm nào có nhiệt độ trung bình tháng VII cao nhất vì TP Hồ Chí Minh nằm ở phía Nam, gần xích đạo hơn các tỉnh còn lại.
23	A	Chất lượng nguồn lao động của nước ta ngày càng tăng lên là do thành tựu trong phát triển văn hoá, giáo dục, y tế.
24	A	Ngoài phần đất ở trung tâm Bắc Mỹ có diện tích hơn 8 triệu km ² , Hoa Kỳ còn bao gồm bán đảo Alaska và quần đảo Ha-oai.
25	A	Các hải cảng ở Duyên hải Nam Trung Bộ lần lượt từ Bắc vào Nam là Đà Nẵng, Quy Nhơn, Vũng Tàu, Nha Trang.
26	A	Bước tiến lớn trong nền nông nghiệp nước ra những năm qua là sự chuyển dịch từ nông nghiệp cổ truyền sang nông nghiệp sản xuất hàng hoá.
27	D	Ở Duyên hải Nam Trung Bộ, việc nâng cấp Quốc lộ 1 và đường sắt Bắc Nam nhằm mục đích làm tăng vai trò trung chuyển của vùng.
28	C	Ngành chăn nuôi bò sữa nước ta thường phân bố ở những nơi có khí hậu mát mẻ, đồng cỏ phát triển và ven các thành phố lớn.
29	C	Khối núi thượng nguồn sông Chảy gồm nhiều đỉnh núi cao trên 2000 m nằm trong vùng núi Đông Bắc.
30	D	Một trong những lí do khiến Đồng bằng sông Cửu Long hình thành nhiều trang trại nuôi trồng thuỷ sản là có diện tích mặt nước, rừng ngập mặn lớn (73372,04 ha chiếm 50,5% diện tích cả nước).
31	A	Điểm giống nhau giữa Trung du miền núi phía Bắc với Tây Nguyên là có tiềm năng lớn về thuỷ điện do địa hình dốc nhiều đồi núi, đoạn trung lưu của các nhánh sông chảy qua nhiều sườn dốc.
32	B	Đai ôn đới gió mùa trên núi chỉ có ở dãy Hoàng Liên Sơn. Vì đai ôn đới gió mùa trên núi chỉ có trên các đỉnh núi ở độ cao 2600 m trở lên.
33	A	Đồng bằng châu thổ sông ở nước ta đều được thành tạo và phát triển do phù sa sông bồi tụ dần trên cơ sở vịnh biển nông, thềm lục địa mở rộng.
34	D	Biểu đồ đã cho thể hiện nội dung sự chuyển dịch cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của nước ta giai đoạn 1990 – 2014.
35	D	Vùng núi Trường Sơn Nam có vị trí nằm ở phía nam dãy Bạch Mã kéo dài 1100 km từ thượng nguồn sông Cà đến cực Nam Trung Bộ.
36	A	Biển Đông có đặc điểm nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.
37	C	Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự biến động dân số của Hoa Kỳ trong giai đoạn 1800 – 2015 là biểu đồ đường.
38	A	Biểu đồ cột hổ hiên sự so sánh về bình quân lương thực của Đồng bằng sông Cửu Long với cả nước qua các năm.

PHẦN

2

TỔNG ÔN TẬP 17 CHỦ ĐỀ TRỌNG TÂM



A - CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA LÝ 10

CHUYÊN ĐỀ I:

BẢN ĐỒ, VŨ TRỤ, HỆ QUẢ CHUYỂN ĐỘNG CỦA TRÁI ĐẤT

1. MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP BIỂU HIỆN CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐỊA LÍ TRÊN BẢN ĐỒ

Chúng ta biết rằng để thể hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ có rất nhiều phương pháp biểu hiện như: phương pháp kí hiệu, phương pháp kí hiệu đường chuyển động, phương pháp chấm điểm, phương pháp bản đồ - biểu đồ, phương pháp đường đẳng trị, phương pháp khoanh vùng...

Sách giáo khoa *Địa lí 10* nhấn mạnh vào 4 phương pháp biểu hiện sau:

- Phương pháp kí hiệu.
- Phương pháp kí hiệu đường chuyển động.
- Phương pháp chấm điểm.
- Phương pháp bản đồ - biểu đồ.

Để phân biệt các phương pháp trên, chúng ta có bảng so sánh sau:

Phương pháp biểu hiện	Đối tượng biểu hiện	Khả năng biểu hiện	Ví dụ
1. Phương pháp kí hiệu	Biểu hiện các đối tượng phân bố theo những điểm cụ thể. Những kí hiệu được đặt chính xác vào vị trí phân bố của đối tượng trên bản đồ.	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí phân bố của đối tượng. - Số lượng của đối tượng - Chất lượng của đối tượng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân bố của các mỏ khoáng sản, cây, con trên bản đồ.
2. Phương pháp kí hiệu đường chuyển động	Biểu hiện sự di chuyển của các đối tượng, hiện tượng tự nhiên và kinh tế - xã hội.	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng di chuyển của đối tượng. - Khối lượng của đối tượng di chuyển. - Chất lượng của đối tượng di chuyển. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng đi của gió, bão, dòng biển...
3. Phương pháp chấm điểm	Biểu hiện các đối tượng phân bố không đồng đều bằng những điểm có giá trị như nhau.	<ul style="list-style-type: none"> - Sự phân bố của đối tượng. - Số lượng của đối tượng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân bố mật độ dân cư, phân bố mật độ diện tích gieo trồng...
4. Phương pháp bản đồ - biểu đồ	Biểu hiện các đối tượng phân bố trong những đơn vị phân chia lãnh thổ bằng các biểu đồ đặt trong các lãnh thổ đó.	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng của đối tượng. - Chất lượng của đối tượng. - Cơ cấu của đối tượng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện diện tích và sản lượng lúa, sản lượng đánh bắt, nuôi trồng thuỷ hải sản của từng tỉnh...



CHUYÊN ĐỀ 3: MỘT SỐ QUY LUẬT CỦA LỚP VỎ ĐỊA LÍ

I. LỚP VỎ ĐỊA LÍ. QUY LUẬT THÔNG NHẤT VÀ HOÀN CHỈNH CỦA LỚP VỎ ĐỊA LÍ.

- **Khái niệm:** Lớp vỏ địa lí (lớp vỏ cảnh quan) là lớp vỏ của Trái Đất, ở đó các lớp vỏ bộ phận (khí quyển, thạch quyển, thủy quyển, thô nhuốm quyển và sinh quyển) xâm nhập, tác động lẫn nhau.

1. Lớp vỏ địa lí

- **Giới hạn:**

- + Trên: phía dưới của lớp ô dôn.
- + Dưới: đáy vực thẳm đại dương và đáy lớp vỏ phong hóa ở lục địa.
- + Chiều dày khoảng 30 - 35 km. Những hiện tượng và quá trình tự nhiên xảy ra trong lớp vỏ địa lí đều do các quy luật tự nhiên chi phối như: quy luật thông nhất hoàn chỉnh, quy luật địa đới, quy luật phi địa đới.

2. Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí

- **Khái niệm:** là quy luật về mối quan hệ quy định lẫn nhau giữa các thành phần và của toàn bộ cũng như của mỗi bộ phận lãnh thổ nhỏ trong lớp vỏ địa lí.

- **Nguyên nhân:**

- + Mỗi thành phần của lớp vỏ địa lí đều đồng thời chịu tác động trực tiếp hay gián tiếp của nội lực và ngoại lực.
- + Các thành phần tự nhiên luôn có sự tác động qua lại và gắn bó mật thiết với nhau.

- **Biểu hiện**

Trong một lãnh thổ:

- + Các thành phần tự nhiên luôn có sự ảnh hưởng phụ thuộc lẫn nhau.
- + Nếu một thành phần thay đổi sẽ dẫn tới sự thay đổi của các thành phần còn lại và toàn bộ lãnh thổ.

3. Quy luật địa đới

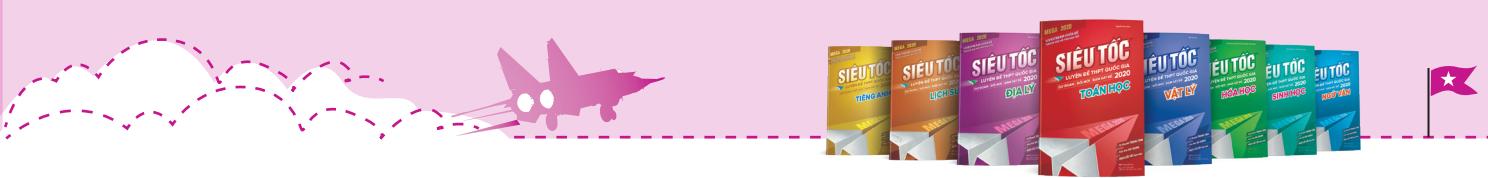
a. **Khái niệm**

- **Khái niệm:** là sự thay đổi có quy luật của tất cả các thành phần địa lí và cảnh quan địa lí theo vĩ độ.

- **Nguyên nhân:** do Trái Đất hình cầu và bức xạ Mặt Trời tạo góc nhập xạ của Mặt Trời đến bề mặt Trái Đất thay đổi từ xích đạo về hai cực.

b. **Biểu hiện**

- Sự phân bố các vùng đai nhiệt trên Trái Đất.
- Các đai khí áp và gió có sự thay đổi từ xích đạo về cực.
- + 7 đai khí áp: 3 đai áp thấp: 1 ở xích đạo, 2 ở ôn đới.
4 đai áp cao: 2 cận chí tuyến, 2 ở cực.



B - CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA LÝ II

CHUYÊN ĐỀ I: KHÁI QUÁT NỀN KINH TẾ - XÃ HỘI THẾ GIỚI

I. SỰ TƯỞNG PHẢN VỀ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CÁC NHÓM NƯỚC

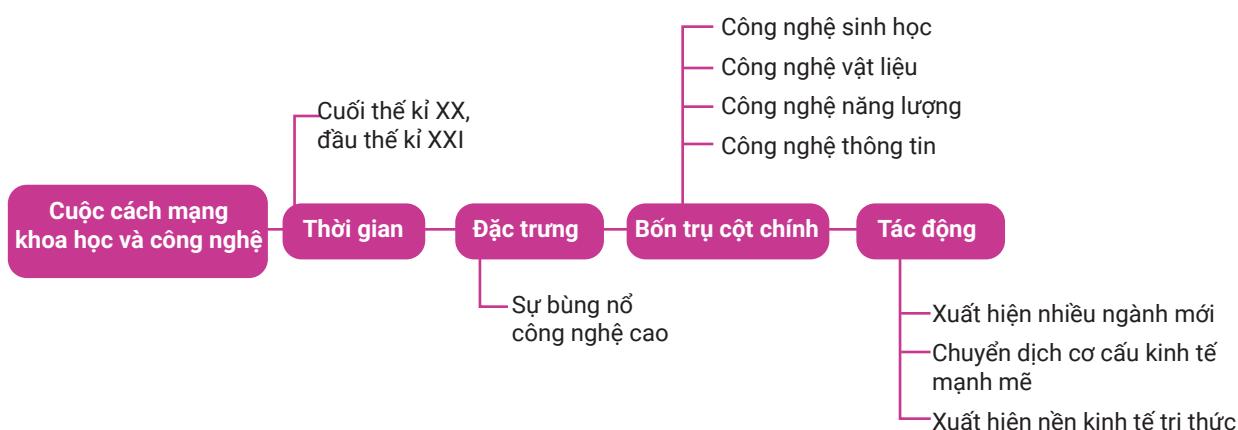
1. Sự phân chia thế giới thành các nhóm nước

- Trên 200 quốc gia và vùng lãnh thổ khác nhau được chia làm 2 nhóm nước: phát triển và đang phát triển.

Nhóm phát triển	Nhóm đang phát triển
<ul style="list-style-type: none">- GDP/người cao- FDI nhiều- HDI cao	<ul style="list-style-type: none">- GDP/người thấp- Nợ nước ngoài nhiều- HDI thấp

- Một số nước, vùng lãnh thổ đạt được trình độ nhất định về công nghiệp gọi là các *nước công nghiệp mới* (NICs): Hàn Quốc, Xin-ga-po, Đài Loan, Bra-xin, Ác-hen-ti-na...

2. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại



II. XU HƯỚNG TOÀN CẦU HOÁ, KHU VỰC HOÁ KINH TẾ

1. Biểu hiện toàn cầu hóa về kinh tế

Toàn cầu hóa là quá trình liên kết các quốc gia về kinh tế, văn hóa, khoa học, ... Toàn cầu hóa kinh tế có tác động mạnh mẽ nhất đến mọi mặt của nền kinh tế - xã hội thế giới.



C - CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA LÝ 12

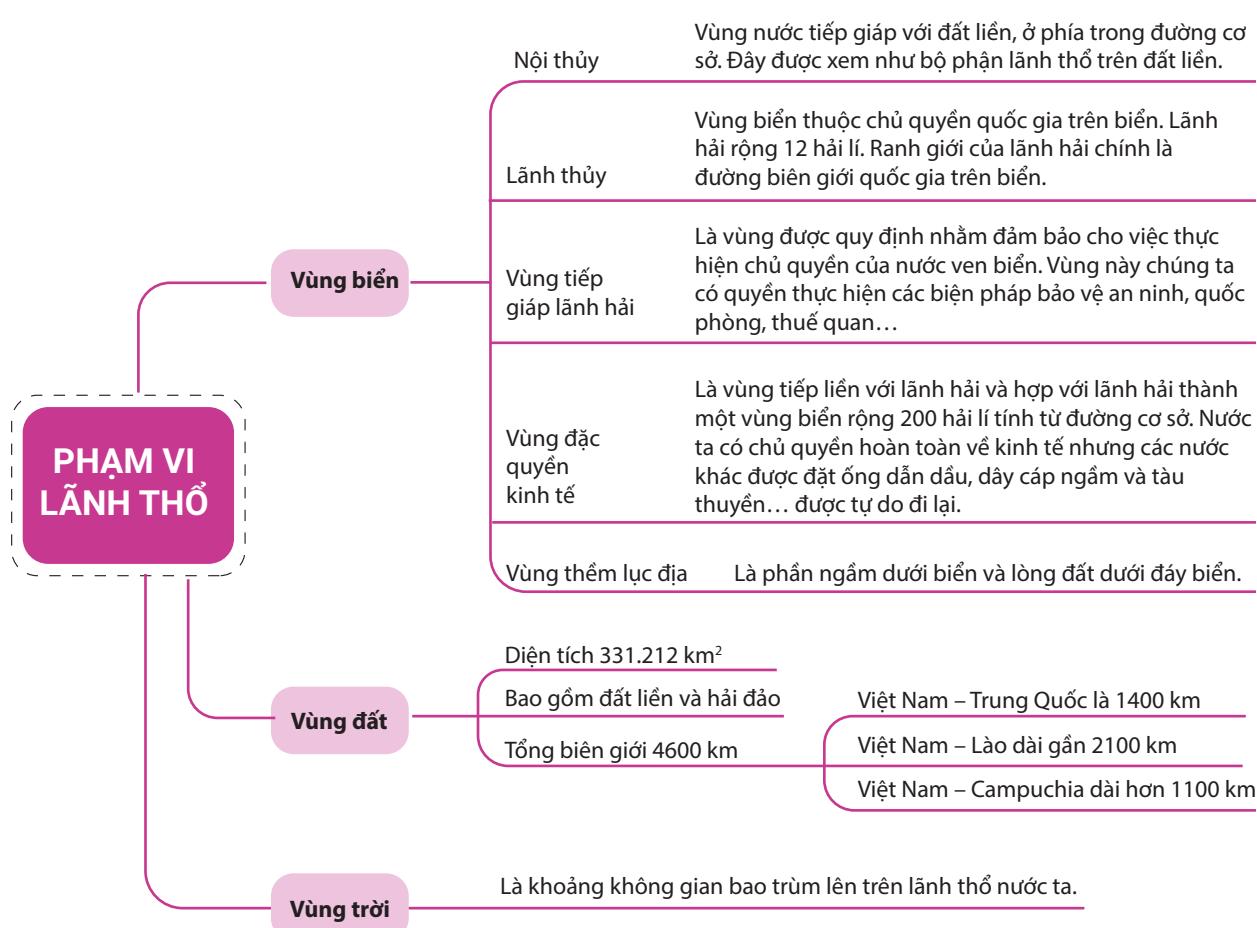
CHUYÊN ĐỀ 1: VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, PHẠM VI LÃNH THỔ

1. Vị trí địa lý

Vị trí	Đặc điểm
Phần đất liền	<ul style="list-style-type: none"> Điểm cực Bắc: $23^{\circ}23'N$ (Lũng Cú - Đồng Văn - Hà Giang). Điểm cực Nam: $8^{\circ}34'N$ (Đát Mũi - Ngọc Hiển - Cà Mau). Điểm cực Đông: $109^{\circ}24'E$ (Vạn Thanh - Vạn Ninh - Khánh Hòa). Điểm cực Tây: $102^{\circ}09'E$ (Sín Thầu - Mường Nhé - Điện Biên).
Phần trên biển	Hệ tọa độ kéo dài từ khoảng vĩ độ $6^{\circ}50'N$ và từ khoảng $101^{\circ}E$ đến $117^{\circ}20'E$

2. Phạm vi lãnh thổ

Phạm vi lãnh thổ của chúng ta bao gồm: vùng đất, vùng biển, vùng trời.



CHUYÊN ĐỀ 10: VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

1. Tính tất yếu về việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng

- Vai trò đặc biệt của Đồng bằng sông Hồng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội: là vựa lúa thứ hai cả nước, là vùng phát triển công nghiệp, dịch vụ quan trọng của cả nước.
- Cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng có nhiều hạn chế và không phù hợp với tình hình phát triển hiện nay: Cơ cấu ngành: nông nghiệp vẫn chiếm vị trí quan trọng, công nghiệp phân bố chưa đồng đều.
- Số dân đông, mật độ dân số cao, việc phát triển kinh tế với cơ cấu cũ không còn đáp ứng yêu cầu sản xuất và đời sống.
- Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhằm khai thác có hiệu quả những thế mạnh vốn có, góp phần cải thiện đời sống nhân dân.

2. Thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng

Thực trạng	Xu hướng
<ul style="list-style-type: none"> - Giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực II, III. - Trước năm 1990, khu vực I chiếm tỉ trọng cao nhất, đến năm 2005 khu vực III chiếm tỉ trọng cao nhất. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế: giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực II, III, đảm bảo tăng trưởng kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường. - Chuyển dịch trong nội bộ từng ngành như sau: <ul style="list-style-type: none"> Trong khu vực I: + Giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi. + Trong trồng trọt: giảm tỉ trọng cây lương thực, tăng tỉ trọng cây thực phẩm, cây ăn quả. Trong khu vực II: phát triển ngành công nghiệp trọng điểm dựa trên thế mạnh của vùng. Trong khu vực III: phát triển du lịch, dịch vụ tài chính, ngân hàng, giáo dục...

PHẦN 3

14 ĐỀ THI THỬ BÚT PHÁ ĐIỂM SỐ

Đề số 1

Câu 1: Frông ôn đới (FP) là frông hình thành do sự tiếp xúc của hai khối khí

- A. địa cực và ôn đới.
- B. địa cực lục địa và địa cực hải dương.
- C. ôn đới lục địa và ôn đới hải dương.
- D. ôn đới và chí tuyên.

Câu 2: Một trong những yếu tố quan trọng khiến khí hậu nước ta không khô hạn như các nước cùng vĩ độ ở Tây Á, Tây Phi là?

- A. gió mùa.
- B. gió Mậu dịch.
- C. gió đất, gió biển.
- D. gió Tây ôn đới.

Câu 3: Đâu là sự chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ khu vực I?

- A. Các ngành trồng cây lương thực, chăn nuôi tăng dần tỉ trọng.
- B. Các ngành thủy sản, chăn nuôi, trồng cây công nghiệp tăng dần tỉ trọng.
- C. Ngành trồng cây công nghiệp, cây lương thực nhường chỗ cho chăn nuôi, thủy sản.
- D. Tăng cường độc canh cây lúa, đa dạng hóa cây trồng đặc biệt là cây công nghiệp.

Câu 4: Với khí hậu nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ trung bình năm trên 23°C và lượng mưa trên 1000 mm, rất thuận lợi cho nước ta

- A. phát triển một nền nông nghiệp nhiệt đới.
- B. trồng các loại cây cận nhiệt đới.
- C. trồng các loại cây công nghiệp nhiệt đới.
- D. có nhiều đồng cỏ rộng lớn để phát triển chăn nuôi.

Câu 5: Đặc điểm đất của Đồng bằng sông Hồng là gì?

- A. Đất phù sa được bồi đắp hằng năm.
- B. Đất nghèo, nhiều cát, ít phù sa sông.
- C. Đất phù sa không được bồi đắp hằng năm.
- D. Đất badan chiếm diện tích lớn nhất.

Câu 6: Biển Đông là biển nằm trong vùng khí hậu nào?

- A. Khí hậu xích đạo.
- B. Khí hậu cận xích đạo.
- C. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
- D. Khí hậu cận nhiệt.

Câu 7: Ngoại lực là

- A. những lực sinh ra trong lớp manti.
- B. những lực được sinh ra ở bên ngoài, trên bề mặt đất.
- C. những lực được sinh ra từ tầng badan của lớp vỏ Trái Đất.
- D. những lực sinh ra trong lớp lõi của Trái Đất.

Câu 8: Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 9 xác định khu vực nào sau đây không chịu ảnh hưởng có gió Tây khô nóng?

- A. Tây Bắc.
- B. Bắc Trung Bộ.
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.



Câu 9: Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 10 xác định cửa sông của sông Thu Bồn đổ ra Biển Đông có tên là gì?

- A. Ba Lát.
- B. Cửa Đại.
- C. Cửa Tùng.
- D. Cửa Việt.

Câu 10: Theo thuyết kiến tạo mảng, dãy Himalaya được hình thành do

- A. mảng Án Độ – Ôxtrâylia xô vào mảng Thái Bình Dương.
- B. mảng Thái Bình Dương xô vào mảng Âu – Á.
- C. mảng Án Độ – Ôxtrâylia xô vào mảng Âu – Á.
- D. mảng Phi xô vào mảng Âu – Á.

Câu 11: Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 15 xác định đô thị nào sau đây thuộc phân cấp đô thị loại 1?

- A. Hạ Long
- B. Nha Trang
- C. Đà Nẵng
- D. Quy Nhơn

Câu 12: Khói khí lạnh di chuyển về phía Đông, qua biển nước ta gây nên thời tiết lạnh, ẩm, mưa phùn cho vùng:

- A. Đồng bằng Bắc Bộ.
- B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- C. Đồng Nam Bộ.
- D. Cả nước.

Câu 13: Điểm tương đồng về đặc điểm của vùng núi Tây Bắc và Trường Sơn Bắc là?

- A. Hướng Tây Bắc – Đông Nam.
- B. Hướng Đông Nam – Tây Bắc.
- C. Hướng Bắc – Đông Bắc.
- D. Hướng vòng cung.

Câu 14: Câu nào sau đây không đúng khi nói về đặc điểm sông ngòi của Việt Nam?

- A. Mật độ sông ngòi dày đặc.
- B. Lượng nước phong phú, phân hoá theo mùa.
- C. Nguồn thuỷ năng lớn.
- D. Dòng chảy theo hướng Bắc – Nam.

Câu 15: Phần lớn lãnh thổ châu Phi có cảnh quan

- A. rừng xích đạo, rừng nhiệt đới ẩm và nhiệt đới khô.
- B. hoang mạc, bán hoang mạc và cận nhiệt đới khô.
- C. hoang mạc, bán hoang mạc và xavan.
- D. rừng xích đạo, cận nhiệt đới khô và xavan.

Câu 16: Dân số nước ta trung bình mỗi năm tăng thêm 1 triệu người đã gây ra khó khăn gì trong việc phát triển kinh tế - xã hội?

- A. Tiếp thu khoa học kỹ thuật hiện đại.
- B. Chuyển dịch cơ cấu lao động.
- C. Giải quyết vấn đề việc làm.
- D. Thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 17: Để mở rộng xuất khẩu chúng ta cần

- A. đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.
- B. ban hành và hoàn thiện hệ thống luật pháp.
- C. tạo nên các mặt hàng chủ lực và các thị trường trọng điểm.
- D. xây dựng đội ngũ cán bộ kỹ thuật và quản lý có trình độ thấp.

Câu 18: Mức bình quân lương thực theo đầu người của Đồng bằng sông Hồng vẫn còn thấp hơn mức bình quân của cả nước là do

- A. khí hậu không thuận lợi cho sản xuất lương thực.
- B. năng suất các loại cây lương thực chưa cao.

- C. người nông dân còn thiếu kinh nghiệm trong sản xuất.
D. dân đông, diện tích đất canh tác bình quân đầu người thấp.

Câu 19: Trở ngại lớn nhất đối với sản xuất và đời sống ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là?

- A. Sự xâm nhập mặn vào đất liền. B. Bão, lũ thường xuyên.
C. Đất nghèo phù sa. D. Khí hậu có mùa đông lạnh.

Câu 20: Duyên hải Nam Trung Bộ có ngành nuôi trồng thuỷ sản phát triển là nhờ

- A. gần các ngư trường lớn. B. có nhiều vụng, đầm phá.
C. nhiều sông suối, kênh rạch. D. đường bờ biển dài.

Câu 21: Tài nguyên khoáng sản có trữ lượng đáng kể nhất ở vùng Tây Nguyên là

- A. than. B. bôxit. C. sắt. D. mangan.

Câu 22: Miền núi Tây Bắc tuy gió mùa đông ảnh hưởng yếu hơn nhưng vẫn có mùa đông lạnh là vì

- A. cách biển một khoảng cách khá xa. B. địa hình cao.
C. rừng chiếm diện tích lớn. D. có nhiều cao nguyên rộng.

Câu 23: Trong những năm gần đây, khu vực nổi lên là nơi có nhiều trang trại nuôi trồng thuỷ sản nhất là

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Duyên hải miền Trung. D. Đông Nam Bộ.

Câu 24: Dân số Hoa Kì tăng nhanh một phần quan trọng là do?

- A. nhập cư. B. tỉ suất sinh cao.
C. tỉ suất gia tăng tự nhiên. D. tuổi thọ trung bình tăng cao.

Câu 25: So với Đông Nam Bộ, Tây Nguyên có phần hạn chế trong việc hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp đó là do?

- A. Sự kém màu mỡ của đất đai và hạn chế nguồn nước.
B. Địa hình cao hơn.
C. Đất đai kém màu mỡ hơn.
D. Trình độ dân trí thấp hơn.

Câu 26: Đường hầm giao thông dưới biển Măng-xơ nối liền nước Anh với châu Âu tại bờ biển của

- A. Hà Lan. B. Đan Mạch. C. Pháp. D. Tây Ban Nha.

Câu 27: Bình quân lương thực trên đầu người của cả nước và Đồng bằng sông Cửu Long

(đơn vị: kg/người)

Năm	1990	1995	2000	2005
Cả nước	363	432	435	471
ĐBSCL	831	1009	974	1005

(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam)

Qua bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây là đúng?

- A. Bình quân lương thực đầu người của ĐBSCL thấp hơn bình quân lương thực của cả nước.
B. Bình quân lương thực của cả nước trong những năm gần đây giảm mạnh.
C. Bình quân lương thực của ĐBSCL cao nhất cả nước, gấp 2,1 lần cả nước năm 2005.
D. Bình quân lương thực của ĐBSCL tăng đều trong những năm gần đây.



Câu 28: SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC MỘT SỐ VÙNG TỪ NĂM 1995 ĐẾN NĂM 2015

(đơn vị: nghìn tấn)

Vùng	1995	2000	2005	2010	2015
Cả nước	24.963,7	32.529,5	35.832,9	40.005,6	45.215,6
Đồng bằng sông Hồng	5.207,1	6.762,6	6.398,4	6.805,4	6.734,5
Trung du và miền núi Bắc Bộ	1.669,8	2.292,6	2.864,6	3.087,8	3.334,4
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	3.890,2	4.972,8	5.342,5	6.152,0	6.860,5
Tây Nguyên	429,5	586,8	717,3	1.042,1	1.213,3
Đông Nam Bộ	935,4	1.212,0	1.211,6	1.322,7	1.373,2
Đồng bằng sông Cửu Long	12.831,7	16.702,7	19.298,5	21.595,6	25.699,7

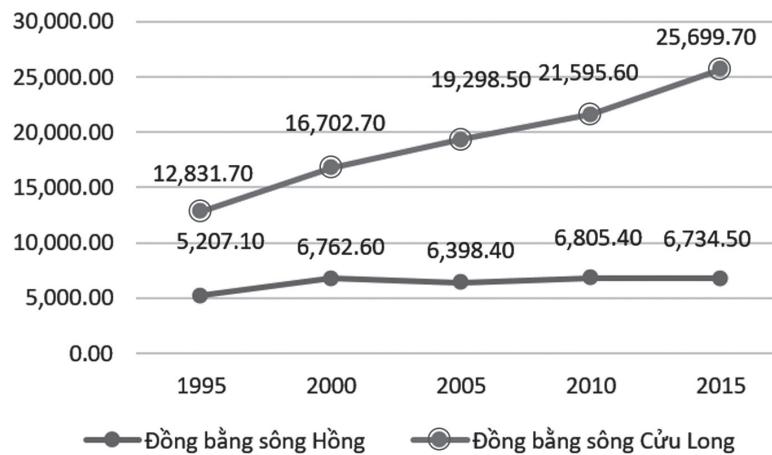
(Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam)

Qua bảng số liệu trên, nhận định nào dưới đây là sai?

- A. Sản lượng lương thực của cả nước tăng đều qua các năm.
- B. Đồng bằng sông Cửu Long là nơi có sản lượng lương thực cao nhất cả nước năm 2015.
- C. Sản lượng lương thực thấp nhất là khu vực Tây Nguyên.
- D. Đồng bằng sông Hồng có sản lượng lương thực giảm từ năm 1995 đến 2015

Câu 29: Cho biểu đồ sau:

**Sản lượng lúa của Đồng bằng sông Hồng
và Đồng bằng sông Cửu Long (nghìn tấn)**



Biểu đồ trên thể hiện nội dung gì của đối tượng?

- A. Thể hiện quy mô.
- B. Thể hiện cơ cấu.
- C. Thể hiện sự thay đổi.
- D. Thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu sản lượng lúa.

Câu 30: Trong thời gian từ năm 1950 đến năm 1973, nền kinh tế Nhật Bản phát triển với tốc độ cao nhất vào giai đoạn nào

- A. 1950 - 1954.
- B. 1955 - 1959.
- C. 1960 - 1964.
- D. 1965 - 1973.

Câu 31: Nhận xét nào đúng về đặc điểm đường biên giới với các nước trên đất liền của Trung Quốc?

- A. Chủ yếu là núi cao và hoang mạc.
- B. Chủ yếu là đồi núi thấp và đồng bằng
- C. Chủ yếu là đồng bằng và hoang mạc.
- D. Chủ yếu là núi và cao nguyên.

Câu 32: Vùng chiếm tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp cao nhất ở nước ta là:

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- C. Đông Nam Bộ.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 33: Khó khăn lớn nhất của việc khai thác thuỷ điện của nước ta là

- A. sông ngòi ngắn dốc, tiềm năng thuỷ điện thấp.
- B. miền núi và trung du cơ sở hạ tầng còn yếu.
- C. sự phân mùa của khí hậu làm lượng nước không đều.
- D. sông ngòi của nước ta có lưu lượng nhỏ.

Câu 34: Sa Huỳnh là noi nỗi tiếng nước ta với sản phẩm

- A. muối.
- B. nước mắm.
- C. chè.
- D. đồ hộp

Câu 35: Nguyên nhân chính gây ra lũ ống, lũ quét ở Tây Bắc là do

- A. địa hình núi cao, cắt xé mạnh.
- B. mạng lưới sông hình cánh quạt.
- C. lớp phủ thực vật bị tàn phá mạnh.
- D. mùa mưa phân hoá theo mùa.

Câu 36: Trung du miền núi phía Bắc có nguồn thuỷ năng rất lớn là do

- A. địa hình núi cao, phân tầng.
- B. địa hình dốc, nhiều thác ghềnh, lưu lượng nước lớn.
- C. nhiều sông ngòi, lượng mưa lớn.
- D. địa hình dốc, sông phân mùa.

Câu 37: Xu hướng chung của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo chiều hướng tích cực của đồng bằng sông Hồng là?

- A. tăng tỉ trọng khu vực I, giảm tỉ trọng khu vực II và III.
- B. tăng tỉ trọng khu vực I và II, giảm tỉ trọng khu vực III.
- C. giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực II và III.
- D. giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực II, giảm tỉ trọng khu vực III.

Câu 38: Nhận định nào sau đây là chưa hợp lý khi xây dựng các vùng kinh tế trọng điểm?

- A. Không thể đầu tư phát triển kinh tế đồng đều cho tất cả các vùng lãnh thổ.
- B. Ưu tiên đầu tư vào những vùng có tiềm lực kinh tế, từ đó tạo ra sự phát triển lan tỏa sang các vùng khác.
- C. Vẫn còn tồn tại những vùng trong tình trạng chậm phát triển hoặc trì trệ.
- D. Khi tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt ở mức độ cao, yêu cầu phải có trọng điểm đầu tư phát triển.

Câu 39: Đất badan chiếm tỉ lệ diện tích bao nhiêu trong vùng Đông Nam Bộ?

- A. 30%.
- B. 40%.
- C. 50%.
- D. 60%.

Câu 40: Cho bảng số liệu:

**GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP THEO GIÁ THỰC TẾ PHÂN THEO NGÀNH
CỦA NƯỚC TA (Đơn vị: tỉ đồng)**

Năm	CN khai thác	CN chế biến	CN SX-PP điện, khí đốt, nước	Tổng
1996	20688	119438	9306	149432
1999	36219	195579	14030	245828
2000	53035	264459	18606	336100
2004	103815	657115	48028	808958
2005	110949	824718	55382	991049

Biểu đồ nào thích hợp nhất thể hiện được sự chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất phân theo ngành của nước ta giai đoạn trên?

- A.** Biểu đồ cột. **B.** Biểu đồ đường. **C.** Biểu đồ tròn. **D.** Biểu đồ miền.

----- HẾT -----



Lời giải chi tiết và đáp án trang 185

Điểm số của bạn..... ☺/⊖

Hãy thảo luận với bạn bè về những câu bạn chưa làm đúng nhé!

PHẦN

4

ĐÁP ÁN VÀ LỜI GIẢI CHI TIẾT

ĐỀ SỐ 1

Câu	Đáp án	Giải thích
1	D	Frông là bè mặt ngăn cách giữa hai khối khí khác nhau về hướng và nhiệt độ. Mỗi bán cầu có 2 frông: - FA là frông hình thành giữa 2 khối khí địa cực và khối khí ôn đới. - FP là frông hình thành giữa 2 khối khí ôn đới và chí tuyến.
2	A	Tuy ở cùng vĩ độ, nhưng nước ta có khí hậu nóng ẩm mưa nhiều, còn Tây Á, Tây Phi lại có khí hậu khô hạn là do vị trí nước ta nằm trong vành đai gió mùa châu Á. Gió mùa mùa hạ đi qua biển mang lại lượng mưa lớn, kết hợp với hình dạng lãnh thổ kéo dài, hẹp ngang và giáp Biển Đông đã làm cho khí hậu nước ta điều hoà, mang tính hải dương.
3	B	Xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế hiện nay, là giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực II và III. Trong đó, khu vực I lại có xu hướng: + Tăng tỉ trọng các ngành thuỷ sản, chăn nuôi, trồng cây công nghiệp.
4	A	Với khí hậu nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ trung bình năm trên 23°C và lượng mưa trên 1000 mm, rất thuận lợi cho nước ta phát triển một nền nông nghiệp nhiệt đới.
5	C	Đồng bằng sông Hồng, có diện tích là 15000 km ² . Đất phù sa của Đồng bằng sông Hồng không được bồi đắp hằng năm do có đê bao bọc bên ngoài. Phần ngoài đê rất ít được bồi đắp hằng năm.
6	C	Biển Đông có diện tích là 3,477 triệu km ² , với đặc điểm rộng và kín gió. Diện tích Biển Đông của nước ta là khoảng 1 triệu km ² . Biển Đông là biển nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
7	B	- Ngoại lực là lực có nguồn gốc ở bên ngoài, trên bề mặt Trái Đất. - Nguồn năng lượng sinh ra ngoại lực là nguồn năng lượng bức xạ Mặt Trời vì dưới tác dụng của Mặt Trời, đá trên bề mặt thạch quyển bị phá hủy và năng lượng của các tác nhân ngoại lực (nước chảy, gió, băng tuyế,...) trực tiếp hay gián tiếp đều có liên quan đến bức xạ Mặt Trời.
8	D	Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 9 ta thấy Đồng bằng sông Cửu Long là vùng không chịu ảnh hưởng của gió Tây khô nóng.
9	B	Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 10 xác định cửa sông của sông Thu Bồn đổ ra Biển Đông có tên là Cửa Đại.
10	C	Himalaya là một trong những dải núi trẻ nhất trên Trái Đất và bao gồm chủ yếu là các đá trầm tích và đá biến chất được nâng lên. Theo học thuyết kiến tạo mảng, sự hình thành của nó là kết quả của sự va giữa mảng Ấn Độ – Ôxtraysia xô vào mảng Âu – Á.
11	C	Quan sát Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, ta thấy Đà Nẵng thuộc phân cấp đô thị loại 1.
12	A	Khối khí lạnh (gió mùa đông) di chuyển về phía đông, qua biển tính chất từ lạnh khô chuyển sang lạnh ẩm do được tăng ẩm từ biển. Khối khí này, thoái về nước ta gây mưa phùn vào thời kì cuối mùa đông và gây mưa phùn cho đồng bằng Bắc Bộ.



13	A	<p>Chúng ta có 4 khu vực núi:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Vùng núi Đông Bắc: hướng vòng cung. -Vùng núi Tây Bắc: hướng Tây Bắc - Đông Nam. -Vùng núi Trường Sơn Bắc: hướng Tây Bắc - Đông Nam. - Vùng núi Trường Sơn Nam: hướng vòng cung. <p>=> Điểm tương đồng về đặc điểm của vùng núi Tây Bắc và Trường Sơn Bắc là hướng núi chạy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam.</p>
14	D	<p>Đặc điểm sông ngòi Việt Nam:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mạng lưới sông ngòi dày đặc. - Lưu lượng nước lớn, sông ngòi nhiều phù sa. - Chế độ nước phân hoá theo mùa. <p>=> Dòng chảy chủ yếu theo hướng Bắc Nam là nhận định chưa đúng khi nói về tài nguyên nước của nước ta. Bởi vì, sông ngòi nước ta chảy theo nhiều hướng khác nhau, có hướng Tây Bắc – Đông Nam, có hướng vòng cung</p>
15	C	<p>Phân lõn lãnh thổ châu Phi có khí hậu khô nóng với cảnh quan hoang mạc, bờ hoang mạc và xavan. Đây là những khó khăn lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của nhiều nước châu Phi.</p>
16	C	<p>Nước ta là một nước đông dân, đứng thứ 13 trên thế giới và đứng thứ 3 trong khu vực Đông Nam Á. Dân số nước ta trung bình mỗi năm tăng thêm 1 triệu người đã gây ra khó khăn trong việc giải quyết vấn đề việc làm cho người lao động.</p>
17	C	<p>Các mặt hàng xuất khẩu của nước ta bao gồm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản, hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp, hàng nông, lâm, thuỷ sản.</p> <p>Để mở rộng xuất khẩu chúng ta cần tạo nên các mặt hàng chủ lực và các thị trường trọng điểm.</p>
18	D	<p>Mức bình quân lương thực theo đầu người của Đồng bằng sông Hồng vẫn còn thấp hơn mức bình quân của cả nước là do:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đồng bằng sông Hồng có số dân đông. + Diện tích đất canh tác bình quân đầu người thấp.
19	A	<p>Đồng bằng sông Cửu Long là một đồng bằng rộng lớn nhưng địa hình thấp. Bề mặt đồng bằng có hệ thống sông ngòi kênh rạch chằng chịt. Vì vậy, trở ngại lớn nhất đối với sản xuất và đời sống ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long đó chính là sự xâm ngập mặn vào đất liền. Đặc biệt vào mùa cạn, nước triều lấn mạnh làm cho gần 2/3 diện tích đồng bằng là đất phèn, đất mặn. Trong đó, vùng trũng lớn nhất là Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên.</p>
20	B	<p>Duyên hải Nam Trung Bộ, các dãy núi ăn ngang ra biển đã chia nhỏ các đồng bằng, tạo nên hàng loạt các bán đảo, vũng vịnh, bãi biển đẹp. Bờ biển có nhiều vụn, đầm phá đã tạo điều kiện cho ngành nuôi trồng thuỷ sản. Việc nuôi trồng tôm hùm, tôm sú đang được phát triển ở nhiều tỉnh, nhất là Phú Yên, Khánh Hoà.</p>
21	B	<p>Tây Nguyên là vùng có ít tài nguyên khoáng sản. Tài nguyên khoáng sản có trữ lượng đáng kể nhất ở vùng Tây Nguyên đó là bôxít có trữ lượng hàng tỉ tấn.</p>
22	B	<p>Gió mùa Đông Bắc thổi về, gấp dãy Hoàng Liên Sơn cao trên 2500 m như bức tường thành chắn gió mùa Đông Bắc, gió mùa Đông Bắc ánh hưởng đến khu vực này thường đến sớm nhưng kết thúc sớm. Tuy nhiên, gió mùa mùa đông ánh hưởng yếu hơn nhưng vẫn có mùa đông lạnh là do địa hình vùng núi Tây Bắc là vùng cao nhất cả nước. Càng lên cao nhiệt độ càng giảm, lên cao 100 m nhiệt độ giảm 0,6°C, vì vậy mùa đông ở đây rất lạnh.</p>

23	B	Trong những năm gần đây, khu vực nổi lên là nơi có nhiều trang trại nuôi trồng thuỷ sản nhất là Đồng bằng sông Cửu Long. Đây là vùng nuôi tôm lớn nhất, nổi bật là các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Bến Tre, Trà Vinh, Kiêng Giang. Kỹ thuật nuôi tôm đi từ quảng canh sang quảng canh cải tiến, bán thâm canh và thâm canh công nghiệp.
24	A	Hoa Kì là đất nước của những người nhập cư. Thành phần dân cư đa dạng, 83% dân số có nguồn gốc châu Âu, châu Phi khoảng 33 triệu người. Dân cư có nguồn gốc Á, Mĩ Latinh tăng mạnh. Dân cư bản địa chỉ còn 3 triệu người. Số người nhập cư vào Hoa Kì từ năm 1820 đến năm 2005 là hơn 60 triệu người, riêng năm 1998 có 600 nghìn người.
25	D	So với Đông Nam Bộ, Tây Nguyên có phần hạn chế trong việc hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp đó là do Tây Nguyên có trình độ dân trí thấp hơn vùng Đông Nam Bộ.
26	C	Đường hầm giao thông dưới biển Măng-xơ nối liền nước Anh với châu Âu tại bờ biển của Pháp. Đây là tuyến giao thông quan trọng ở châu Âu, vì với đường hầm này, hàng hoá có thể vận chuyển trực tiếp từ Anh sang châu Âu lục địa và ngược lại mà không cần phải trung chuyển bằng phà.
27	C	Quan sát bảng số liệu: <ul style="list-style-type: none"> - Bình quân lương thực đầu người của ĐBSCL thấp hơn bình quân lương thực của cả nước => Sai - Bình quân lương thực của cả nước trong những năm gần đây giảm mạnh => Sai vì nó có xu hướng tăng. - Bình quân lương thực của ĐBSCL cao nhất cả nước, gấp 2,1 lần cả nước năm 2005. Bình quân lương thực của ĐBSCL cao nhất cả nước, gấp 2,1 lần cả nước năm 2005. Ta lấy $1005:471=2,1$ lần vậy đáp án C là đáp án Đúng. - Bình quân lương thực của ĐBSCL tăng đều trong những năm gần đây => Sai.
28	D	Quan sát bảng số liệu ta thấy đáp án: <ul style="list-style-type: none"> - Sản lượng lương thực của cả nước tăng đều qua các năm => Đúng. - Đồng bằng sông Cửu Long là nơi có sản lượng lương thực cao nhất cả nước năm 2015 => Đúng. - Sản lượng lương thực thấp nhất là khu vực Tây Nguyên => Đúng. - D là đáp án sai. Do Đồng bằng sông Hồng có sản lượng lương thực tăng từ năm 1995 đến năm 2015.
29	C	Biểu đồ đường số liệu tuyệt đối thể hiện được sự thay đổi của sản lượng lúa từ năm 1995 đến năm 2015.
30	A	Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nền kinh tế Nhật Bản bị suy sụp nghiêm trọng, nhưng đến năm 1952, kinh tế đã khôi phục ngang mức trước chiến tranh và phát triển tốc độ cao nhất giai đoạn 1950 - 1954 với tốc độ 18,8%.
31	A	Lãnh thổ Trung Quốc trải dài từ 20°B - 53°B , khoảng từ 73°Đ - 135°Đ và giáp với 14 nước. Biên giới với các nước chủ yếu là núi cao, hoang mạc. Phía đông giáp biển, mở rộng ra Thái Bình Dương.
32	C	Vùng chiếm tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp cao nhất ở nước ta là Đông Nam Bộ. Giá trị sản xuất công nghiệp chiếm tới 55,6% giá trị sản xuất công nghiệp cả nước.

NGOÀI NHỮNG LỢI ÍCH TRÊN CÒN CÓ....

GROUP KÍN / LIVESTREAM CHỮA ĐỀ



Sở hữu Mega 2020, các em sẽ có đặc quyền tham gia Group kín bí mật:

- ★ Livestream chữa đề của các thầy cô có nhiều năm kinh nghiệm luyện thi THPT.
- ★ Tương tác trực tiếp với thầy cô, bạn bè để lấp lỗ hổng kiến thức và nâng cao kỹ năng làm bài.
- ★ Tư vấn hỗ trợ chọn trường, giải đáp các thắc mắc về tuyển sinh Đại học.

Còn chờ gì nữa....

hãy sở hữu bộ sách ngay thôi!

